



Người Hy Lạp cổ đại đã tiếp cận và truyền bá đạo Phật như thế nào?

ISSN: 2734-9195

15:26 05/01/2026

Đối với người Ấn Độ, việc người Hy Lạp tiếp nhận đạo Phật và truyền bá Phật pháp ra thế giới từ tiểu lục địa Ấn Độ là một niềm tự hào lớn.

Đạo Phật, một tôn giáo, hay theo một số người, là con đường dẫn đến trải nghiệm chân lý tối thượng, được sáng lập bởi đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Siddhārtha Gautama). Đạo Phật được thực hành ở nhiều nơi trên thế giới và người Hy Lạp cổ đại đã đóng một vai trò quan trọng trong sứ mệnh truyền bá triết lý đạo Phật.

Sau 49 ngày tọa thiền nhập định dưới cội Bồ đề, thái tử Tất Đạt Đa đã đạt đến giác ngộ trở thành bậc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác (Sanskrit: Anuttara-samyak-sambodhi), trạng thái giác ngộ hoàn toàn, tuyệt đối và viên mãn nhất, không gì có thể hơn được, là quả vị cao tột của đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Sau đó, Ngài du hành đến Sarnath và thuyết pháp lần đầu tiên tại Sarnath (Lộc Uyển) là một thành phố ở bang Uttar Pradesh, miền Đông Ấn Độ.

Sự kiện này được lịch sử ghi lại là **“Chuyến Pháp Luân”** (Dharma Chakra Pravartana).

Ảnh hưởng của đạo Phật đến triết học Hy Lạp

Trong cuốn sách: Triết lý Hoài nghi: Người Hy Lạp cổ đại đã tái tạo Phật giáo như thế nào? - Pyrrhonism: How the ancient Greeks reinvented Buddhism (Lanham, MD: Lexington Books 2008), học giả và tác giả độc lập, Adrian Kuzminski, đưa ra những lập luận hợp lý để chứng minh rằng Phật giáo đã ảnh hưởng đến một số ý tưởng trung tâm của nhà triết học người Hy Lạp, Pyrrho (360-270 trước Tây lịch).

Nhà triết học người Hy Lạp Pyrrho (360-20 trước Tây lịch) đã cùng Alexander Đại đế (356-323 trước Tây lịch) đến Ấn Độ và đến đó vào khoảng năm 325 trước

Tây lịch. Ông trở lại Hy Lạp và khai sinh ra chủ nghĩa hoài nghi (Pyrrhonism) không chỉ của Hy Lạp mà của cả châu Âu, vừa là cha đẻ của Thuyết không thể biết rõ, Pyrrhonism, trường phái này dạy rằng người ta phải tránh đưa ra phán xét hoặc kết luận vì tri giác không tương quan với thực tại, trường phái này có thể đã bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các tư tưởng Phật giáo, cho thấy như những phát hiện trong cuốn sách nói trên.



Người Hy Lạp đã mang Phật giáo đến nhiều nơi trên thế giới (Nguồn ảnh: Minh họa của Greek Reporter)

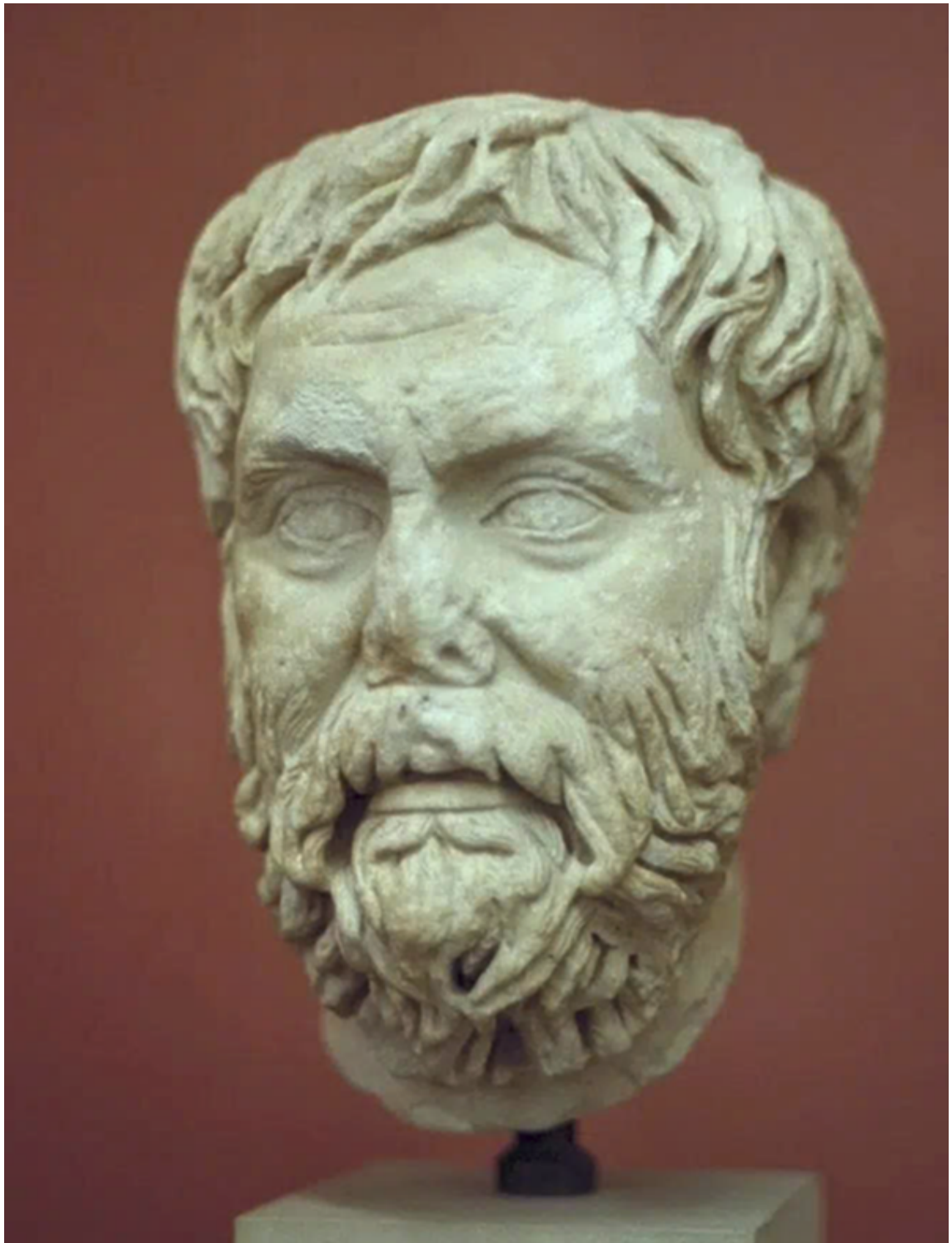
Phật tử châu Âu đầu tiên là người Hy Lạp

Vị vua Phật giáo vĩ đại nhất của Ấn Độ, Ashoka Đại Đế (Trị vì 273-232 trước Tây lịch), đã chọn một tu sĩ Phật giáo Hy Lạp, còn được gọi là Dharmarakita, để truyền bá Phật giáo ở vùng Tây Bắc Ấn Độ xung quanh các khu vực Maharashtra, hiện nay là một bang ở miền tây Ấn Độ. Người Hy Lạp đã đến thăm Sopara, một địa điểm hành hương quan trọng ở Aparanta, vùng đất nằm giữa Đồi Sahyadri và biển ở phía tây bắc Ấn Độ.

Những khu vực này của Maharashtra đã đạt được một ý nghĩa vĩnh cửu trong tác phẩm *“Một chuyến hành trình hàng tuần trên biển Eritrea”* (The Periplus Maris Erythraei, 厄立特里亞海周航記) và trong văn học Ấn Độ giáo, Kỳ Na giáo và Phật giáo cổ đại. Vị giáo sĩ Hy Lạp Thera, được Hội đồng thứ ba cử đến Aparantaka, đã thuyết giảng cho bảy mươi nghìn người và cải đạo ba mươi bảy nghìn người sang tôn giáo mới thành lập.

Thành phố Junagadh ở Tây Ấn Độ thực chất là một thành phố của người Hy Lạp, tộc Yonas, mà sau này họ đặt tên là Yonagadh hay *“Thành trì của người Hy Lạp”*

. Vì lý do ngữ âm, theo thời gian tên gọi này dần trở thành Junagadh. Người Hy Lạp được biết đến với tên gọi Yona trong tiếng Pali và Yavana trong tiếng Phạn, bắt nguồn từ từ Ionia vì người Hy Lạp Ionia là những người đầu tiên tiếp xúc với người Ấn Độ.



Tượng đầu Pyrrho xứ Elis, bằng đá cẩm thạch, bản sao La Mã thời kỳ đầu (thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên).

Bản gốc bằng đồng Hy Lạp có từ thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên.

Bảo tàng Khảo cổ học Corfu. Nguồn: Zde/ Wikimedia commonsCC BY-SA 4.0

Vua của vương quốc Ấn-Hy Lạp Di Lan Đà (Menandros I)

Tác phẩm Milinda Panho "*Những câu hỏi của vua Menander*" là một cuốn sách cổ xưa và được tôn kính sâu sắc trong Phật giáo, thậm chí được người Miến Điện đưa vào Kinh điển Pali. Menander sinh ra ở Bactria nhưng lớn lên ở Ariana (thung lũng Kabul), và trong những năm đầu trị vì, ông đã mở rộng vương quốc của cha mình đến thung lũng Indus và xa hơn nữa - có lẽ sau này đã thiết lập kinh đô tại Sagala (Sialkot ngày nay).

Người Hy Lạp vùng Bactria, một phần của vùng ngoại biên thế giới Iran và vùng lãnh thổ này ngày nay thuộc về Afghanistan, Tajikistan, Uzbekistan và một phần nhỏ của Turkmenistan vẫn kiên định giữ vững bản sắc Hy Lạp trong mọi khía cạnh. Văn hóa, tôn giáo và nghệ thuật cai trị của họ đều được du nhập từ quê hương ở vùng Aegean, một vùng vịnh nối dài của Địa Trung Hải nằm giữa nam Balkan và bán đảo Anatolie, giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Do đó, thật thú vị khi Menander lại quan tâm đến Phật giáo. Vị sư đã cải đạo cho Menander là Nagasena, một đệ tử của vị cao tăng Phật giáo người Hy Lạp vĩ đại, Mahadhammarakkhita.

Trong cuốn sách "*Nguyên tắc của nghệ thuật trị quốc*" (Precepts of Statecraft) của nhà tiểu luận và nhà tiểu sử học La Mã cổ đại, ông là người gốc Hy Lạp, Plutarch (46-120), có đề cập rằng "*khi Di Lan Đà (Menander I), vua của vương quốc Ấn-Hy Lạp, trị vì 165-155) trước Tây lịch, người đã trị vì một cách nhân từ đối với người Bactria, qua đời sau đó trong doanh trại, các thành phố quả thực đã nhất trí tổ chức tang lễ cho ông; nhưng khi đến lúc tranh giành di vật của ông, cuối cùng họ (với rất nhiều khó khăn) đã đi đến thỏa thuận này... rằng ngọc cốt của ông sẽ được phân phát... mỗi người trong số họ sẽ mang đi một phần bằng nhau, và tất cả họ sẽ dựng tượng đài tưởng niệm ông*" (trang 148).

Sự nổi tiếng và lòng kính trọng dành cho Menander ở Ấn Độ có thể được lý giải bởi thực tế là nhiều người ở Ấn Độ vẫn đặt tên con mình là Di Lan Đà (Menander) để tưởng nhớ ông.



Đồng xu drachm Menander I Soter song ngữ. Nguồn: Wikimedia Commons.

Người Hy Lạp dẫn đầu phái đoàn Phật giáo đến Sri Lanka

Trong Mahavamsa, một văn bản lịch sử quan trọng của Sri Lanka được viết bằng tiếng Pali, có đề cập rằng dưới thời trị vì của Vua Ấn-Hy Lạp Di Lan Đà (Menander I Soter), vị tu sĩ Phật giáo người Hy Lạp đã đi từ “*Alasandra*” (được cho là Alexandria thuộc vùng Caucasus, cách Kabul ngày nay khoảng 150 km về phía bắc) cùng với ba mươi nghìn tu sĩ Phật giáo khác.

Mục đích của chuyến hành hương chiêm bái này là lễ khánh thành Maha Thupa (“*Đại Tháp*”) tại Anuradhapura, Sri Lanka, và công trình đã hoàn thành không lâu sau khi vua Dutthagamani Abhaya (trị vì 161-137 trước Tây lịch), vị vua của Sri Lanka, băng hà. Mahavamsa nói rằng Pandukabhaya (trước thế kỷ thứ III trước Tây lịch) đã dành riêng một khu đất gần cổng phía tây của Anuradhapura cho người Hy Lạp (Yona). Đó là chuyến viếng thăm đầu tiên.

Vài thế kỷ sau, thời Dutugemunu (167-131 trước Tây lịch), người Yona (Hy Lạp) đã đến để ăn mừng việc hoàn thành Mahathupa. Đây là chuyến thăm thứ hai. Kabul lúc đó đang nằm dưới sự cai trị của Hy Lạp và theo Mahavamsa, là một thành phố theo đạo Phật và rất sùng đạo. Người ta kể rằng nó “*tỏa sáng với những chiếc áo choàng màu vàng*”. Merlin Peris khẳng định rằng người Hy Lạp đến Anuradhapura từ thung lũng Kabul chứ không phải từ đông nam Ấn Độ.

Những người Hy Lạp này hẳn đã mang đến Sri Lanka để du nhập trực tiếp những ảnh hưởng của Phật giáo về Hy Lạp. Ngày nay, dấu vết duy nhất của điều này chỉ còn lại trong các thần thoại Hy Lạp xuất hiện trong Mahavamsa.

Mang Phật giáo đến Kashmir, Gandhāra và lục địa Hy Lạp

Tương truyền rằng Mahyantika lớn tuổi đã được gửi đến Kashmir, vùng đất nằm nép mình trong dãy Himalaya và Gandhara, vùng đất của người Ấn Độ - Hy Lạp. Từ đây, đạo Phật lan rộng đến Trung Hoa và Đông Á thông qua Con đường tơ lụa, những khu vực cũng có sự hiện diện mạnh mẽ của văn hóa Hy Lạp.

Mặc dù ông không được xác định là người Hy Lạp trong Mahavamsa, nhưng theo một giả thuyết, tên của ông có lẽ có nghĩa là Maha, hay “vĩ đại” (để tôn xưng các vị có đức lớn và có trí tuệ), và Antika, hay “*Antiochos*”, một tên gọi phổ biến của người Hy Lạp. Tương truyền Maharakkhita được phái đến xứ sở Hy Lạp. Có lẽ Ngài cũng là người Hy Lạp, xét theo bản chất nhiệm vụ của mình, nhưng điều này chưa được xác nhận.



Nguồn: Wikimedia Commons CC BY-SA 3.0

hành đến Trung Hoa trong thời nhà Hán và là một trong những người đầu tiên được biết đến là dịch các văn bản Phật giáo Đại thừa sang bất kỳ ngôn ngữ nào.

Đến thế kỷ IV, hai anh em cùng cha khác mẹ đến từ Gandhāra, một vùng miền Tây bắc Ấn Độ, ngày nay thuộc về Afghanistan và một phần của Pakistan, đại sư Vô Trước (Asanga) và Thế Thân (Vasubandhu) đồng sáng lập Trường phái Duy Giã (Yogācāra) hay Duy Thức Tông (hay Mind-only, Cittamātra), triển khai từ một hệ thống thông giải các kinh điển Đại thừa, thông qua một trong những kinh điển chính, Kinh Lăng Già (Lankavatara Sutra), kinh văn thuộc hệ Sanskrit có tầm quan trọng nhất trong lãnh vực tâm lý triết học và thế giới tâm linh siêu thoát đối với các kinh điển của Phật giáo Đại thừa, đã trở thành nền tảng của triết học Phật giáo Đại thừa và đặc biệt là Thiền tông.

Nghệ thuật Hy Lạp-Phật giáo

Đức Phật được Sir Edwin Arnold gọi là “*Ánh sáng của châu Á*” (Light of Asia), và nếu hỏi ai đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá thông điệp của đức Phật ra thế giới, thì chắc chắn người Hy Lạp gốc Ấn Độ sẽ là một trong những người đóng góp lớn nhất.

Nghệ thuật Gandhāra phát triển từ sự giao thoa giữa văn hóa Hy Lạp và Phật giáo, và theo một giả thuyết, đã mang đến cho thế giới bức tượng Phật hình người đầu tiên. Người ta nói rằng “*tượng Phật ngồi nguồn gốc Gandhāra*” (The Seated Buddha from Gandhara) là một trong những bức tượng Phật cổ nhất còn sót lại được phát hiện tại địa điểm Jamal Garhi ở Gandhāra cổ đại, thuộc Pakistan ngày nay.

Bức tượng này có niên đại từ thế kỷ II hoặc III sau Tây lịch, thuộc thời kỳ Đế chế Kushan. Những tượng Phật ở Bamiyan, bị lực lượng Taliban Afghanistan phá hủy, là một ví dụ về phong cách nghệ thuật Gandhāra, còn được gọi là nghệ thuật Phật giáo Hy Lạp. Nó thể hiện ảnh hưởng của phong cách điêu khắc Hy Lạp cổ điển thời kỳ Hy Lạp hóa.

Những bức tượng được thể hiện đang mặc áo dài kiểu Hy Lạp, gợi nhớ đến đóng góp của Alexander Đại đế vào sự pha trộn văn hóa Trung Á gần một thiên niên kỷ trước đó. Từ tượng Bồ tát Kim Cương Thủ (Vajrapani), được người Ấn Độ-Hy Lạp gọi là Herakles (Hercules), vị thần canh giữ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cho đến những bức tượng khác chịu ảnh hưởng từ nghệ thuật Hy Lạp, những di vật vật chất của Phật giáo Hy Lạp vẫn có thể được tìm thấy trong các bảo tàng trên khắp thế giới.

Đối với người Ấn Độ, việc người Hy Lạp tiếp nhận đạo Phật và truyền bá Phật pháp ra thế giới từ tiểu lục địa Ấn Độ là một niềm tự hào lớn.

Tác giả: **Arunansh B. Goswami**/Viết dịch: **Sa môn Lê Văn Phước**

Nguồn: <https://greekreporter.com>